

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LỢI
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LỢI 2



**THỐNG KÊ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(GIỮA KÌ I)**



NĂM HỌC 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LỢI
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LỢI 2



**THỐNG KÊ SĨ SỐ HỌC SINH GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025-2026**

Tên lớp	SL	SL Nữ	Dân tộc	Nữ Dân tộc	Giáo viên chủ nhiệm
1/1	39	18	0	0	Lê Thị Việt
1/2	39	19	4	2	Phạm Thị Thu Huyền
1/3	39	20	3	3	Hồ Thị Mai Nga
1/4	40	19	3	0	Hà Thị Tuyết Trinh
1/5	38	16	1	1	Huỳnh Tuyết Mai
1/6	38	19	2	1	Hoàng Thị Thiết
1/7	38	16	0	0	Huỳnh Thị Ngọc Nga
Tổng Cộng Khối 1	271	127	13	7	
2/1	35	18	0	0	Nguyễn Thị Tình
2/2	36	18	1	1	Nguyễn Thị Dung
2/3	39	19	0	0	Đặng Thị Ngọc Minh
2/4	39	20	1	1	Phan Thị Quỳnh Nga
2/5	39	20	1	0	Trương Thị Mỹ Kiều
2/6	39	20	3	1	Nguyễn Thị Tuyết Hoa
2/7	39	20	0	0	Phan Thị Tình
Tổng Cộng Khối 2	266	135	6	3	
3/1	41	21	2	1	Nguyễn Thị Kim Liên
3/2	41	21	4	3	Bùi Thúy Hân
3/3	42	19	1	1	Lương Ái Vy
3/4	41	19	1	1	Lê Thị Ngọc Ánh
3/5	41	20	0	0	Phạm Thị Thu Hà
3/6	41	21	0	0	Trần Thị Thu Cúc
Tổng Cộng Khối 3	247	121	8	6	
4/1	39	18	1	0	Lê Thị Thảo
4/2	39	19	1	0	Nguyễn Thị Hiền
4/3	38	21	2	1	Nguyễn Kim Trà

4/4	37	18	4	3	Trần Xuân Thìn
4/5	38	18	0	0	Đặng Thị Hồng Nhung
4/6	38	18	1	0	Lê Thị Hương
Tổng Cộng Khối 4	229	112	9	4	
5/1	35	19	6	4	Nguyễn Thị Ngọc Thúy
5/2	35	20	0	0	Hoàng Thị Kim Hoa
5/3	35	19	1	0	Chu Thị Hà Phương
5/4	35	15	1	0	Nguyễn Thị Mai
5/5	34	17	1	0	Nguyễn Thị Tiên
5/6	35	18	0	0	Nguyễn Huỳnh Ái Phương
5/7	35	18	2	1	Lê Thị Hào
Tổng Cộng Khối 5	244	126	11	5	
Tổng cộng toàn trường	1257	621	47	25	

[illegible]

52	3/1	41	T	18	44	9		14	34	7									23	56	10	1	19	46	6	1	20	49	10		10	24	5		11	27	5		20	49	10		18	44	6	1	24	59	13	1						
53			H	23	56	12	2	26	63	13	2	21	51	11	2					18	44	11	1	22	54	15	1	21	51	11	2	31	76	16	2	23	56	12	2	21	51	11	2	23	56	15	1	17	41	8	1					
54			C					1	2	1																											7	17	4																	
55	3/2	41	T	32	78	19	3	31	76	18	3	35	85	20	3				22	54	13	1	16	39	7	1	9	22	3	1	13	32	6	2	7	17	5	1	35	85	20	3	15	37	8	1	35	85	20	3						
56			H	9	22	2	1	10	24	3	1	6	15	1	1				19	46	8	3	25	61	14	3	32	78	18	3	28	68	15	2	27	66	14	2	6	15	1	1	26	63	13	3	6	15	1	1						
57			C																																		7	17	2	1																
58	3/3	42	T	20	48	9		16	38	5		24	57	11				17	40	9		18	43	11		16	38	6		14	33	9		6	14	6		24	57	11		16	38	8		24	57	11								
59			H	22	52	10	1	26	62	14	1	18	43	8	1				25	60	10	1	24	57	8	1	26	62	13	1	28	67	10	1	31	74	11	1	18	43	8	1	26	62	11	1	18	43	8	1						
60			C																																		5	12	2																	
61	3/4	41	T	14	34	8		14	34	8		30	73	15	1			13	32	6						12	29	8		6	15	2		4	10	2		26	63	15	1	3	7			35	85	19								
62			H	22	54	10	1	24	59	11	1	11	27	4				28	68	13	1	41	##	19	1	29	71	11	1	35	85	17	1	31	76	15	1	15	37	4		38	93	19	1	6	15									
63			C	5	12	1		3	7																											6	15	2																		
64	3/5	41	T	11	27	9		11	27	9		13	32	9				16	39	11		11	27	7		11	27	9		17	41	10		10	24	10		13	32	9		8	20	7		13	32	9								
65			H	27	66	11		27	66	11		28	68	11				25	61	9		30	73	13		30	73	11		24	59	10		26	63	10		28	68	11		33	80	13		28	68	11								
66			C	3	7			3	7																											5	12																			
67	3/6	41	T	21	51	13		21	51	13		21	51	13				20	49	11		7	17	3		21	51	13		14	34	10		7	17	5		21	51	13		9	22	4		21	51	13								
68			H	19	46	8		19	46	8		20	49	8				19	46	9		34	83	18		20	49	8		27	66	11		27	66	12		20	49	8		32	78	17		20	49	8								
69			C	1	2			1	2											2	5	1														7	17	4																		
70	Tổng khối 03	247	T	116	47	67	3	107	43	60	3	143	58	78	4			111	45	60	2	71	29	34	2	89	36	49	1	74	30	42	2	45	18	33	1	139	56	78	4	69	28	33	2	152	62	85	5							
71			H	122	49	53	5	132	53	60	5	104	42	43	4			134	54	60	6	176	71	87	6	158	64	72	7	173	70	79	6	165	67	74	6	108	44	43	4	178	72	88	6	95	38	36	3							
72			C	9	4	1		8	3	1								2	1	1															37	15	14	1																		
73	4/1	39	T	9	23	6		13	33	7						15	38	9		15	38	10		15	38	8		15	38	9		39	100	18	1	17	44	8		25	64	12	1	21	54	15		13	33	6		34	87	18		
74			H	30	77	12	1	26	67	11	1						24	62	9	1	24	62	8	1	24	62	10	1	24	62	9	1					22	56	10	1	14	36	6		18	46	3	1	26	67	12	1	5	13		
75			C																																																					
76	4/2	39	T	12	31	9		15	38	7						15	38	8		13	33	6		15	38	8		16	41	8		39	100	19	1	22	56	8		29	74	15	1	19	49	10		16	41	11		33	85	18		
77			H	25	64	10		20	51	10							24	62	11	1	26	67	13	1	24	62	11	1	23	59	11	1					17	44	11	1	10	26	4		20	51	9	1	23	59	8	1	6	15	1	1
78			C	2	5		1	4	10	2	1																																													
79	4/3	38	T	18	47	11		17	45	9						24	63	14	1	19	50	11		10	26	9		15	39	7		38	100	21	2	9	24	4	1	25	66	13	1	33	87	20	1	13	34	6		30	79	17	1	
80			H	20	53	10	2	21	55	12	2						14	37	7	1	19	50	10	2	28	74	12	2	23	61	14	2					29	76	17	1	13	34	8	1	5	13	1	1	25	66	15	2	8	21	4	1
81			C																																																					
82	4/4	37	T	13	35	5		14	38	6						18	49	8	1	16	43	6	1	14	38	8	1	11	30	5		37	100	18	4	19	51	9	1	14	38	9	2	17	46	7	1	15	41	6	1	22	59	10		
83			H	21	57	11	4	20	54	10	4						19	51	10	3	21	57	12	3	23	62	10	3	26	70	13	4					18	49	9	3	23	62	9	2	20	54	11	3	22	59	12	3	15	41	8	4
84			C	3	8	2		3	8	2																																														
85	4/5	38	T	13	34	7		14	37	7						19	50	9		19	50	9		12	32	6		10	26	4		38	100	18		14	37	7		23	61	12		35	92	18		18	47	5		35	92	18		
86			H	25	66	11		24	63	11							19	50	9		19	50	9		26	68	12		28	74	14					24	63	11		15	39	6		3	7,9			20	53	13		3	7,9			
87			C																																																					
88	4/6	38	T	15	39	7		16	42	7						24	63	10	1	25	66	10	1	5	13	2		9	24	5		38	100	18	1	9	24	5		11	29	6	1	38	100	18	1	24	63	13		38	100	18	1	
89			H	23	61	11	1	22	58	11	1						14	37	8		13	34	8		29	76	13	1	29	76	13	1					29	76	13	1	27	71	12						14	37	5	1				
90			C																																																					
91	Tổng khối 04	229	T	80	35	45		89	39	43						115	50	58	3	107	47	52	2	71	31	41	1	76	33	38		229	100	112	9	90	39	41	2	127	55	67	6	163	71	88	3	99	43	47	1	192	84	99	2	
92			H	144	63	65	8	133	58	65	8						114	50	54	6	122	53	60	7	154	67	68	8	153	67	74	9					139	61	71	7	102	45	45	3	66	29	24	6	130	57	65	8	37	16	13	7
93			C	5	2	2	1	7	3	4	1																																													

THÔNG KÊ TIẾN ĐỘ ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT HỌC SINH
GIỮA HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026



STT	Lớp	Số	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ						Trung thực						Trách nhiệm					
			Tốt			Đạt			Cần cố			Tốt			Đạt			Cần cố gắng			Tốt			Đạt			Cần cố gắng			Tốt		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng toàn trường	1257	1111	88,39	146	11,61	0	0	1107	88,07	150	11,93	0	0	918	73,03	339	26,97	0	0	1054	83,85	203	16,15	0	0	995	79,16	262	20,84	0	0
1	1/1	39	26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3		
2	1/2	39	39	100,0					39	100,0					39	100,0					39	100,0					39	100,0				
3	1/3	39	28	71,8	11	28,2			25	64,1	14	35,9			19	48,7	20	51,3			39	100,0					19	48,7	20	51,3		
4	1/4	40	14	35,0	26	65,0			14	35,0	26	65,0			16	41,0	23	59,0			26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3		
5	1/5	38	23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5			14	35,0	26	65,0			14	35,0	26	65,0			14	35,0	26	65,0		
6	1/6	38	20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4			23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5		
7	1/7	38	38	100,0					38	100,0					20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4		
8	Tổng khối 01	271	188	69,4	83	30,6			185	68,3	86	31,7			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			31	81,6	7	18,4		
1	2/1	35	35	100,0					35	100,0					148	54,6	123	45,4			178	65,7	93	34,3			159	58,7	112	41,3		
2	2/2	36	34	94,4	2	5,6			32	88,9	4	11,1			27	77,1	8	22,9			35	100,0					35	100,0				
3	2/3	39	39	100,0					39	100,0					25	69,4	11	30,6			30	83,3	6	16,7			29	80,6	7	19,4		
4	2/4	39	39	100,0					39	100,0					38	97,4	1	2,6			38	97,4	1	2,6			38	97,4	1	2,6		
5	2/5	39	22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6			28	71,8	11	28,2			39	100,0					38	97,4	1	2,6		
6	2/6	39	39	100,0					39	100,0					22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6		
7	2/7	39	32	82,1	7	17,9			32	82,1	7	17,9			27	69,2	12	30,8			27	69,2	12	30,8			27	69,2	12	30,8		
8	Tổng khối 02	266	240	90,2	26	9,8			238	89,5	28	10,5			32	82,1	7	17,9			32	82,1	7	17,9			32	82,1	7	17,9		
1	3/1	41	36	87,8	5	12,2			41	100,0					199	74,8	67	25,2			223	83,8	43	16,2			221	83,1	45	16,9		
2	3/2	41	32	78,0	9	22,0			32	78,0	9	22,0			33	80,5	8	19,5			37	90,2	4	9,8			38	92,7	3	7,3		
3	3/3	42	42	100,0					42	100,0					32	78,0	9	22,0			32	78,0	9	22,0			32	78,0	9	22,0		
4	3/4	41	37	90,2	4	9,8			37	90,2	4	9,8			42	100,0					42	100,0					42	100,0				
5	3/5	41	41	100,0					41	100,0					32	78,0	9	22,0			39	95,1	2	4,9			39	95,1	2	4,9		
6	3/6	41	41	100,0					41	100,0					41	100,0					41	100,0					41	100,0				
7	Tổng khối 03	247	229	92,7	18	7,3			234	94,7	13	5,3			21	51,2	20	48,8			40	97,6	1	2,4			21	51,2	20	48,8		
1	4/1	39	39	100,0					39	100,0					33	84,6	6	15,4			34	87,2	5	12,8			34	87,2	5	12,8		
2	4/2	39	39	100,0					39	100,0					26	66,7	13	33,3			36	92,3	3	7,7			36	92,3	3	7,7		
3	4/3	38	38	100,0					38	100,0					25	65,8	13	34,2			36	94,7	2	5,3			26	68,4	12	31,6		
4	4/4	37	37	100,0					33	89,2	4	10,8			18	48,6	19	51,4			27	73,0	10	27,0			20	54,1	17	45,9		
5	4/5	38	34	89,5	4	10,5			34	89,5	4	10,5			33	86,8	5	13,2			34	89,5	4	10,5			34	89,5	4	10,5		
6	4/6	38	38	100,0					38	100,0					37	97,4	1	2,6			38	100,0					38	100,0				
7	Tổng khối 04	229	225	98,3	4	1,7			221	96,5	8	3,5			172	75,1	57	24,9			205	89,5	24	10,5			188	82,1	41	17,9		
1	5/1	35	32	91,4	3	8,6			32	91,4	3	8,6			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			32	91,4	3	8,6		
2	5/2	35	35	100,0					35	100,0					35	100,0					35	100,0					35	100,0				
3	5/3	35	35	100,0					35	100,0					27	77,1	8	22,9			27	77,1	8	22,9			27	77,1	8	22,9		
4	5/4	35	34	97,1	1	2,9			34	97,1	1	2,9			22	62,9	13	37,1			33	94,3	2	5,7			32	91,4	3	8,6		
5	5/5	34	30	88,2	4	11,8			30	88,2	4	11,8			24	70,6	10	29,4			30	88,2	4	11,8			28	82,4	6	17,6		
6	5/6	35	29	82,9	6	17,1			28	80,0	7	20,0			25	71,4	10	28,6			26	74,3	9	25,7			25	71,4	10	28,6		
7	5/7	35	34	97,1	1	2,9			35	100,0					34	97,1	1	2,9			35	100,0					35	100,0				
8	Tổng khối 05	244	229	93,9	15	6,1			229	93,9	15	6,1			198	81,1	46	18,9			217	88,9	27	11,1			214	87,7	30	12,3		



Võ Thị Thanh Tuyền

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Pham Ngoc Nhung

THÔNG KÊ TIẾN ĐỘ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Lớp	Số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng toàn trường	1257	774	61,58	483	38,42	0	0	781	62,13	473	37,63	3	0,239	702	55,85	555	44,15	0	0
1	1/1	39	26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3		
2	1/2	39	19	48,7	20	51,3			16	41	23	59			16	41	23	59		
3	1/3	39	27	69,2	12	30,8			27	69,2	12	30,8			26	66,7	13	33,3		
4	1/4	40	14	35	26	65			14	35	26	65			14	35	26	65		
5	1/5	38	23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5		
6	1/6	38	20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4		
7	1/7	38	22	57,9	16	42,1			23	60,5	15	39,5			19	50	19	50		
8	Tổng khối 01	271	151	55,7	120	44,3			149	55	122	45			144	53,1	127	46,9		
9	2/1	35	30	85,7	5	14,3			28	80	7	20			28	80	7	20		
10	2/2	36	27	75	9	25			20	55,6	16	44,4			13	36,1	23	63,9		
11	2/3	39	21	53,8	18	46,2			22	56,4	17	43,6			14	35,9	25	64,1		
12	2/4	39	26	66,7	13	33,3			21	53,8	18	46,2			23	59	16	41		
13	2/5	39	22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6		
14	2/6	39	19	48,7	20	51,3			19	48,7	20	51,3			19	48,7	20	51,3		
15	2/7	39	17	43,6	22	56,4			19	48,7	20	51,3			13	33,3	26	66,7		
16	Tổng khối 02	266	162	60,9	104	39,1			151	56,8	115	43,2			132	49,6	134	50,4		
17	3/1	41	27	65,9	14	34,1			27	65,9	14	34,1			23	56,1	18	43,9		
18	3/2	41	32	78	9	22			32	78	9	22			32	78	9	22		
19	3/3	42	25	59,5	17	40,5			24	57,1	18	42,9			24	57,1	18	42,9		
20	3/4	41	25	61	16	39			28	68,3	13	31,7			13	31,7	28	68,3		
21	3/5	41	13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3		
22	3/6	41	21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8		
23	Tổng khối 03	247	143	57,9	104	42,1			145	58,7	102	41,3			126	51	121	49		
24	4/1	39	27	69,2	12	30,8			27	69,2	12	30,8			18	46,2	21	53,8		
25	4/2	39	18	46,2	21	53,8			21	53,8	18	46,2			22	56,4	17	43,6		

26	4/3	38	27	71,1	11	28,9			21	55,3	17	44,7			17	44,7	21	55,3		
27	4/4	37	19	51,4	18	48,6			18	48,6	16	43,2	3	8,1	13	35,1	24	64,9		
28	4/5	38	30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1		
29	4/6	38	24	63,2	14	36,8			29	76,3	9	23,7			23	60,5	15	39,5		
30	Tổng khối 04	229	145	63,3	84	36,7			146	63,8	80	34,9	3	1,3	123	53,7	106	46,3		
31	5/1	35	29	82,9	6	17,1			32	91,4	3	8,6			31	88,6	4	11,4		
32	5/2	35	31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4		
33	5/3	35	31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			22	62,9	13	37,1		
34	5/4	35	20	57,1	15	42,9			24	68,6	11	31,4			25	71,4	10	28,6		
35	5/5	34	25	73,5	9	26,5			28	82,4	6	17,6			25	73,5	9	26,5		
36	5/6	35	19	54,3	16	45,7			20	57,1	15	42,9			20	57,1	15	42,9		
37	5/7	35	18	51,4	17	48,6			24	68,6	11	31,4			23	65,7	12	34,3		
38	Tổng khối 05	244	173	70,9	71	29,1			190	77,9	54	22,1			177	72,5	67	27,5		



Hiệu trưởng

Võ Thị Thanh Tuyền

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Nhung

THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Công nghệ						Tin học						Thẩm mĩ						Thể chất					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng							
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL						
1	Tổng toàn trường	1257	789	62,8	463	36,8	5	0,4	699	55,6	554	44,1	4	0,3	760	60,5	497	39,5			483	67,1	237	32,9			487	67,6	233	32,4			778	61,9	479	38,1			855	68	402	32		
2	1/1	39	26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3														26	66,7	13	33,3			26	66,7	13	33,3			
3	1/2	39	16	41	23	59			16	41	23	59			14	35,9	25	64,1													14	35,9	25	64,1			14	35,9	25	64,1				
4	1/3	39	25	64,1	14	35,9			29	74,4	10	25,6			24	61,5	15	38,5													23	59	16	41			27	69,2	12	30,8				
5	1/4	40	14	35	26	65			14	35	26	65			14	35	26	65													14	35	26	65			14	35	26	65				
6	1/5	38	23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5													23	60,5	15	39,5			23	60,5	15	39,5				
7	1/6	38	20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4													20	52,6	18	47,4			20	52,6	18	47,4				
8	1/7	38	20	52,6	16	42,1	2	5,3	18	47,4	19	50	1	2,6	21	55,3	17	44,7													21	55,3	17	44,7			20	52,6	18	47,4				
9	Tổng khối 01	271	144	53,1	125	46,1	2	0,7	146	53,9	124	45,8	1	0,4	142	52,4	129	47,6													141	52	130	48			144	53,1	127	46,9				
10	2/1	35	31	88,6	4	11,4			29	82,9	6	17,1			26	74,3	9	25,7													24	68,6	11	31,4			31	88,6	4	11,4				
11	2/2	36	14	38,9	22	61,1			18	50	18	50			19	52,8	17	47,2													23	63,9	13	36,1			19	52,8	17	47,2				
12	2/3	39	23	59	16	41			13	33,3	26	66,7			20	51,3	19	48,7													13	33,3	26	66,7			39	100						
13	2/4	39	26	66,7	13	33,3			27	69,2	12	30,8			29	74,4	10	25,6													26	66,7	13	33,3			39	100						
14	2/5	39	22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6													22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6				
15	2/6	39	16	41	23	59			16	41	23	59			14	35,9	25	64,1													14	35,9	25	64,1			14	35,9	25	64,1				
16	2/7	39	20	51,3	19	48,7			17	43,6	22	56,4			9	23,1	30	76,9													9	23,1	30	76,9			39	100						
17	Tổng khối 02	266	152	57,1	114	42,9			142	53,4	124	46,6			139	52,3	127	47,7													131	49,2	135	50,8			203	76,3	63	23,7				
18	3/1	41	24	58,5	17	41,5			20	48,8	21	51,2			18	43,9	23	56,1			21	51,2	20	48,8			24	58,5	17	41,5			23	56,1	18	43,9			26	63,4	15	36,6		
19	3/2	41	32	78	9	22			32	78	9	22			32	78	9	22			32	78	9	22			32	78	9	22			32	78	9	22			32	78	9	22		
20	3/3	42	42	100					24	57,1	18	42,9			24	57,1	18	42,9			24	57,1	18	42,9			24	57,1	18	42,9			24	57,1	18	42,9			24	57,1	18	42,9		
21	3/4	41	26	63,4	15	36,6			19	46,3	22	53,7			28	68,3	13	31,7			24	58,5	17	41,5			25	61	16	39			25	61	16	39			31	75,6	10	24,4		
22	3/5	41	13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3			13	31,7	28	68,3		
23	3/6	41	21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8			21	51,2	20	48,8		
24	Tổng khối 03	247	158	64	89	36			129	52,2	118	47,8			136	55,1	111	44,9			135	54,7	112	45,3			139	56,3	108	43,7			158	64	89	36			147	59,5	100	40,5		
25	4/1	39	25	64,1	14	35,9			19	48,7	20	51,3			24	61,5	15	38,5			22	56,4	17	43,6			22	56,4	17	43,6			21	53,8	18	46,2			24	61,5	15	38,5		
26	4/2	39	28	71,8	11	28,2			18	46,2	21	53,8			24	61,5	15	38,5			24	61,5	15	38,5			24	61,5	15	38,5			24	61,5	15	38,5			24	61,5	15	38,5		
27	4/3	38	31	81,6	7	18,4			18	47,4	20	52,6			34	89,5	4	10,5			35	92,1	3	7,9			30	78,9	8	21,1			31	81,6	7	18,4			33	86,8	5	13,2		
28	4/4	37	13	35,1	21	56,8	3	8,1	14	37,8	20	54,1	3	8,1	18	48,6	19	51,4			18	48,6	19	51,4			18	48,6	19	51,4			18	48,6	19	51,4			19	51,4	18	48,6		
29	4/5	38	30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1			30	78,9	8	21,1		
30	4/6	38	28	73,7	10	26,3			22	57,9	16	42,1			38	100					38	100					38	100					38	100					38	100				
31	Tổng khối 04	229	155	67,7	71	31	3	1,3	121	52,8	105	45,9	3	1,3	168	73,4	61	26,6			167	72,9	62	27,1			162	70,7	67	29,3			162	70,7	67	29,3			168	73,4	61	26,6		
32	5/1	35	32	91,4	3	8,6			30	85,7	5	14,3			32	91,4	3	8,6			32	91,4	3	8,6			32	91,4	3	8,6			31	88,6	4	11,4			32	91,4	3	8,6		
33	5/2	35	31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4			31	88,6	4	11,4		
34	5/3	35	19	54,3	16	45,7			19	54,3	16	45,7			19	54,3	16	45,7			19	54,3	16	45,7			19	54,3	16	45,7			19	54,3	16	45,7			19	54,3	16	45,7		
35	5/4	35	25	71,4	10	28,6			19	54,3	16	45,7			24	68,6	11	31,4			25	71,4	10	28,6			27	77,1	8	22,9			24	68,6	11	31,4			29	82,9	6	17,1		

THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM MÔN HỌC GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026

STT	Khối	Lớp	Số	Lần điểm	Tiếng Việt		Toán	
					SL	TL	SL	TL
1		Tổng toàn trường	1257	10	25	1,99	149	11,85
2				9	198	15,75	110	8,75
3				8	136	10,82	94	7,48
4				7	68	5,41	46	3,66
5				6	33	2,63	39	3,1
6				5	8	0,64	25	1,99
7				<5	5	0,4	10	0,8
8		4/1	39	10	5	12,82	13	33,33
9				9	20	51,28	14	35,9
10				8	9	23,08	6	15,38
11				7	3	7,69	4	10,26
12				6	2	5,13		
13				5			1	2,56
14				<5			1	2,56
15		4/2	39	10	3	7,69	16	41,03
16				9	22	56,41	12	30,77
17				8	10	25,64	6	15,38
18				7	2	5,13	4	10,26
19				6	2	5,13	1	2,56
20				5				
21				<5				
22		4/3	38	10	1	2,63	12	31,58
23				9	15	39,47	13	34,21
24				8	12	31,58	10	26,32
25				7	5	13,16	1	2,63



26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59

Khối

		6	4	10,53	1	2,63
		5			1	2,63
		<5	1	2,63		
4/4	37	10	4	10,81	20	54,05
		9	10	27,03	3	8,11
		8	6	16,22	7	18,92
		7	8	21,62	2	5,41
		6	7	18,92	2	5,41
		5			3	8,11
		<5	2	5,41		
4/5	38	10			20	52,63
		9	15	39,47	9	23,68
		8	13	34,21	4	10,53
		7	6	15,79	2	5,26
		6	2	5,26	3	7,89
		5	1	2,63		
		<5	1	2,63		
4/6	38	10	1	2,63	14	36,84
		9	20	52,63	11	28,95
		8	9	23,68	4	10,53
		7	5	13,16	5	13,16
		6	3	7,89	2	5,26
		5			2	5,26
		<5				
Tổng khối	229	10	14	6,11	95	41,48
		9	102	44,54	62	27,07
		8	59	25,76	37	16,16
		7	29	12,66	18	7,86
		6	20	8,73	9	3,93
		5	1	0,44	7	3,06
		<5	4	1,75	1	0,44
		10	2	5,71	6	17,14
		9	16	45,71	3	8,57
		8	9	25,71	10	28,57

60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93

5/1	35	7	5	14,29	6	17,14
		6	1	2,86	3	8,57
		5	2	5,71	5	14,29
		<5			2	5,71
5/2	35	10	3	8,57	13	37,14
		9	16	45,71	4	11,43
		8	8	22,86	7	20
		7	6	17,14	1	2,86
		6	1	2,86	4	11,43
		5	1	2,86	6	17,14
		<5				
5/3	35	10	6	17,14	4	11,43
		9	11	31,43	8	22,86
		8	14	40	12	34,29
		7	2	5,71	4	11,43
		6	2	5,71	3	8,57
		5			3	8,57
		<5			1	2,86
5/4	35	10			6	17,14
		9	12	34,29	11	31,43
		8	12	34,29	9	25,71
		7	8	22,86	5	14,29
		6	3	8,57	4	11,43
		5				
		<5				
5/5	34	10			8	23,53
		9	13	38,24	8	23,53
		8	10	29,41	9	26,47
		7	8	23,53	2	5,88
		6	1	2,94	5	14,71
		5	1	2,94		
		<5	1	2,94	2	5,88
		10			1	2,86
		9	14	40	2	5,71

94	5/6	35	8	13	37,14	8	22,86
95			7	3	8,57	8	22,86
96			6	3	8,57	9	25,71
97			5	2	5,71	3	8,57
98			<5			4	11,43
99	5/7	35	10			16	45,71
100			9	14	40	12	34,29
101			8	11	31,43	2	5,71
102			7	7	20	2	5,71
103			6	2	5,71	2	5,71
104	Tổng khối	244	5	1	2,86	1	2,86
105			<5				
106			10	11	4,51	54	22,13
107			9	96	39,34	48	19,67
108			8	77	31,56	57	23,36
109			7	39	15,98	28	11,48
110			6	13	5,33	30	12,3
111			5	7	2,87	18	7,38
112			<5	1	0,41	9	3,69

Hiệu trưởng



Võ Thị Thanh Tuyền

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Nhung